TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/KDTM-ST
Ngày: 29-5-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần H

Địa chỉ: Khu Công nghiệp T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Phạm Ngọc Đ, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty Cổ phần H).

- Ông Trương Minh H, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 5 năm 2018).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T

Địa chỉ: Thôn Cổ Lũy Làng Cá, xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Hoàng N, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T).

Ông Trương Minh H có mặt; ông Đỗ Hoàng N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-01-2018, các văn bản trình bày khác và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần H trình bày:

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, bà Đỗ Thị Thu N1 (Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần H tại Đà Nẵng) và ông Đỗ Hoàng N (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T) thỏa thuận bằng lời nói về việc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T mua của Công ty Cổ phần H thùng carton làm bao bì đựng cá đông lạnh.

Dựa trên các lần đặt hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T nên Chi nhánh Công ty Cổ phần H tại Đà Nẵng tiến hành giao hàng trong vòng 01 đến 02 ngày kể từ ngày đặt hàng theo các phiếu xuất kho, với tổng số tiền hàng là 274.660.000đồng. Các đơn hàng đều được giao đúng số lượng, chất lượng, địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, không có tranh chấp xảy ra. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đã tiến hành thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày Chi nhánh Công ty Cổ phần H tại Đà Nẵng giao hàng theo từng đợt, với tổng số tiền đã thanh toán là 194.000.000đồng, cụ thể:

- Ngày 12-6-2015 thanh toán: 12.600.000đồng;
- Ngày 24-6-2015 thanh toán: 50.400.000đồng;
- Ngày 22-7-2015 thanh toán: 50.000.000đồng;
- Ngày 04-02-2016 thanh toán: 61.000.000đồng;
- Ngày 21-02-2017 thanh toán: 20.000.000đồng.

Số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T còn nợ chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần H là 80.660.000đồng. Số nợ này đã được ông Đỗ Hoàng N (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T) ký xác nhận vào biên bản xác nhận nợ ngày 14 tháng 9 năm 2017.

Mặc dù Công ty Cổ phần H đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền nợ trên nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T vẫn không chịu thanh toán. Do đó, Công ty Cổ phần H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải trả cho Công ty Cổ phần H số tiền mua hàng còn nợ là 80.660.000đồng.

Đối với tiền lãi do chậm thanh toán, tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2018 nguyên đơn yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải trả số tiền lãi tạm tính từ ngày 14 tháng 9 năm 2017 đến ngày 10 tháng 01 năm 2018 là 3.145.740đồng. Tuy nhiên, tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05 tháng 4 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 80.660.000đồng, không yêu cầu trả số tiền lãi do chậm thanh toán.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T (thông qua thủ tục niêm yết công khai) nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần H. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần H số tiền 80.660.000đồng (tám mươi triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Khi giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty Cổ phần H thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có địa chỉ tại thôn C, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tại thời điểm Công ty Cổ phần H khởi kiện thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T không còn hoạt động tại địa chỉ nêu trên và đã có thông báo tạm ngừng hoạt động nhưng không thông báo cho Công ty Cổ phần H biết. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần H là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua việc niêm yết công khai cho bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo trình bày của nguyên đơn Công ty Cổ phần H thì từ tháng 6-2015 giữa Công ty Cổ phần H và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có thỏa thuận giao dịch mua bán hàng hóa là thùng carton làm bao bì đựng cá đông lạnh. Trong quá trình mua bán, Công ty Cổ phần H đã thực hiện việc giao hàng đúng số

lượng, chất lượng, địa điểm và thời gian theo thỏa thuận. Tuy nhiên, sau khi nhận được hàng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T không thanh toán đầy đủ số tiền hàng mà Công ty Cổ phần H đã giao và còn nợ Công ty Cổ phần H tổng số tiền là 80.660.000đồng.

[2.2] Mặc dù việc mua bán hàng hóa giữa Công ty Cổ phần H và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T không được thể hiện bằng văn bản nhưng căn cứ vào biên bản xác nhận nợ ngày 14-9-2017 và các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có mua hàng hóa là thùng carton làm bao bì đựng cá đông lạnh của Công ty Cổ phần H. Việc các bên xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa bằng lời nói như nguyên đơn đã trình bày là phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại. Theo biên bản xác nhận nợ ngày 14-9-2017, người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T là ông Đỗ Hoàng N xác nhận còn nợ bên A bà Nguyễn Thị Thu N1 số tiền 80.660.000đồng. Tại bản giải trình ngày 16-4-2018, bà Nguyễn Thị Thu N1 (Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần H tại Đà Nẵng) xác định khoản nợ 80.660.000đồng mà bà N1 và ông N ký biên bản xác nhận ngày 14-9-2017 là của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T nợ Công ty Cổ phần H. Từ khi xác nhận nợ đến nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho Công ty Cổ phần H nên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo thông tin do Phòng Đăng ký Kinh doanh, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cung cấp tại văn bản số 02/ĐKKD ngày 05-01-2018 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 01-01-2018. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 200 của Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định: *"Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, doanh nghiệp phải nộp đủ số thuế còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp doanh nghiệp, chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác"*. Do đó, nguyên đơn Công ty Cổ phần H khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải thanh toán số tiền 80.660.000đồng còn nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền lãi do chậm thanh toán: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty Cổ phần H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải trả số tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất là 1%/tháng, tạm tính từ ngày 14-9-2017 đến ngày 10-01-2018 là 3.145.740đồng. Tuy nhiên, tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05-4-2018, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 80.660.000đồng, không yêu cầu bị đơn phải trả lãi do chậm thanh toán. Việc nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi do chậm thanh toán là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về tiền lãi do chậm thanh toán của nguyên đơn Công ty Cổ phần H.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là: 80.660.000đồng x 5% = 4.033.000đồng.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần H không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các điều 147, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 24, 50, 55 của Luật thương mại; các điều 280, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần H.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần H số tiền 80.660.000đồng (tám mươi triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về tiền lãi do chậm thanh toán của nguyên đơn Công ty Cổ phần H.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

5. Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải chịu 4.033.000đồng (bốn triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Cổ phần H không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.095.143đồng (hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi ba đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001969 ngày 11-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong